

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**



**BÀI VIẾT**

**“Tỷ trọng xuất khẩu dây điện và dây cáp điện sang thị trường Mỹ tăng mạnh”**

**Thuộc nhiệm vụ:**

**Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại**

***Hà Nội, 2026***

## **Tỷ trọng xuất khẩu dây điện và dây cáp điện sang thị trường Mỹ tăng mạnh**

*Trong bối cảnh nhu cầu đầu tư vào hạ tầng điện, năng lượng, viễn thông và sản xuất thiết bị điện - điện tử trên thế giới tiếp tục gia tăng, xuất khẩu dây điện và dây cáp điện của Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực trong những tháng đầu năm 2026. Kim ngạch xuất khẩu cải thiện qua các tháng, với nhiều nhóm sản phẩm và thị trường ghi nhận mức tăng trưởng cao. Trong tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu dây điện và dây cáp điện của Việt Nam ước đạt 512 triệu USD, tăng 9,2% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 6 tháng đầu năm 2026 lên khoảng 2,53 tỷ USD, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm trước.*

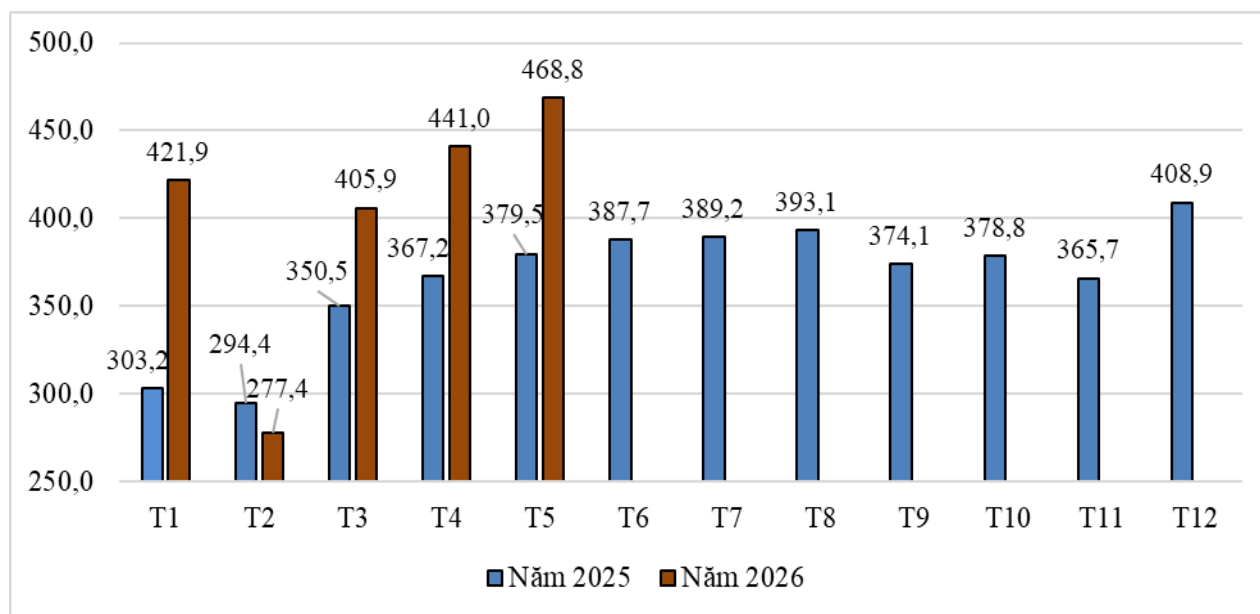
Trong khi đó, theo số liệu thống kê của Cục Hải quan, trong tháng 5/2026, kim ngạch xuất khẩu dây điện và dây cáp điện của Việt Nam đạt 468,76 triệu USD, tăng 6,3% so với tháng 4/2026 và tăng 23,51% so với cùng kỳ năm 2025. Đây cũng là tháng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất kể từ đầu năm nhờ nhu cầu nhập khẩu dây điện và dây cáp điện tại nhiều thị trường lớn tiếp tục phục hồi trong bối cảnh hoạt động sản xuất công nghiệp, đầu tư hạ tầng điện và sản xuất thiết bị điện - điện tử trên thế giới được cải thiện.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu dây điện và dây cáp điện đạt 2,02 tỷ USD, tăng 19,02% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 0,94% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Mặc dù tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với mức tăng xuất khẩu chung của cả nước (19,5%), nhưng kết quả này vẫn cho thấy đà tăng trưởng tương đối tích cực của toàn ngành trong bối cảnh thương mại quốc tế còn nhiều biến động.

Diễn biến xuất khẩu qua các tháng cho thấy kim ngạch xuất khẩu dây điện và dây cáp điện tăng khá ổn định từ đầu năm. Sau khi đạt 421,9 triệu USD trong tháng 1/2026, kim ngạch giảm xuống 277,4 triệu USD trong tháng 2 do yếu tố mùa vụ và kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, sau đó phục hồi mạnh trong tháng 3 và tháng 4, lần lượt đạt

405,9 triệu USD và 441 triệu USD, trước khi lập mức cao nhất trong tháng 5 với 468,8 triệu USD. So với cùng kỳ năm 2025, kim ngạch xuất khẩu của cả 5 tháng đầu năm đều ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi nhu cầu tại các thị trường nhập khẩu chủ lực.

**Biểu đồ: Xuất khẩu dây điện và dây cáp điện qua các tháng trong năm 2025-2026 (ĐVT: Triệu USD)**



*Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam*

#### *Cơ cấu thị trường xuất khẩu:*

Trong tháng 5/2026, Mỹ tiếp tục là thị trường tiêu thụ dây điện và dây cáp điện lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 192,95 triệu USD, tăng 14,52% so với tháng trước và tăng 39,96% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm trên 41% tổng kim ngạch xuất khẩu trong tháng. Đứng thứ hai là Trung Quốc với 69,85 triệu USD, giảm 8,99% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 3,18% so với cùng kỳ. Nhật Bản xếp thứ ba với 40,98 triệu USD, tăng 9,72% so với tháng trước và tăng 26,73% so với cùng kỳ năm trước.

Một số thị trường ghi nhận tốc độ tăng trưởng rất cao trong tháng 5/2026 như Malaysia (tăng 255,88% so với cùng kỳ), EU (tăng 218,83%), Đài Loan (Trung Quốc) (tăng 200,45%) và Australia (tăng 20,52%, đồng thời tăng gần 93% so với tháng trước). Trong khi đó, xuất khẩu sang Hàn Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc), Singapore, Indonesia và Lào vẫn gặp khó khăn khi giảm so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2026, cơ cấu thị trường xuất khẩu dây điện và dây cáp điện của Việt Nam vẫn tập trung chủ yếu tại Mỹ và các thị trường châu Á. Cụ thể:

+ Thị trường Mỹ tiếp tục dẫn đầu với kim ngạch xuất khẩu dây điện và dây cáp điện đạt 751,26 triệu USD trong 5 tháng đầu năm 2026, tăng tới 30,45% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 37,24% tổng kim ngạch xuất khẩu, cao hơn mức 33,98% của cùng kỳ năm trước. Kết quả này cho thấy nhu cầu nhập khẩu từ Mỹ vẫn duy trì tích cực và doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục mở rộng thị phần tại thị trường này. Trong những tháng đầu năm 2026, Mỹ là nền kinh tế phục hồi tốt nhất trong số các nền kinh tế chủ chốt với những diễn biến khả quan trong lĩnh vực dịch vụ và trên thị trường lao động. Tuy nhiên, kinh tế Mỹ đang có những dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Thị trường bất động sản tiếp tục suy yếu khi lượng nhà khởi công và doanh số bán nhà mới trong tháng 5/2026 đều giảm, trong khi sản lượng công nghiệp chỉ tăng 0,1%, thấp hơn kỳ vọng của thị trường. Điều này có thể ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu dây điện và dây cáp điện của Mỹ và triển vọng xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam trong những tháng tới.

+ Thị trường Trung Quốc đứng thứ hai với kim ngạch 354,43 triệu USD, tăng 12,48%, chiếm 17,57% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tuy vẫn duy trì quy mô lớn, tỷ trọng của thị trường này đã giảm từ 18,59% xuống 17,57%, cho thấy tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức tăng chung của toàn ngành.

+ Thị trường Nhật Bản đạt 178,31 triệu USD, tăng 21,48%, chiếm 8,84% tổng kim ngạch xuất khẩu, tiếp tục là thị trường ổn định nhờ nhu cầu từ ngành công nghiệp điện tử, ô tô và các doanh nghiệp FDI của Nhật Bản đang hoạt động tại Việt Nam.

+ Thị trường Hàn Quốc đạt 173,74 triệu USD, giảm 3,65% so với cùng kỳ năm trước, khiến tỷ trọng giảm từ 10,64% xuống còn 8,61%. Đây là thị trường lớn duy nhất trong nhóm bốn thị trường xuất khẩu chủ lực ghi nhận mức suy giảm trong 5 tháng đầu năm.

Đối với các thị trường quy mô trung bình, xuất khẩu sang Thái Lan, Campuchia, Malaysia, EU, Đài Loan (Trung Quốc) và Anh đều ghi nhận mức tăng trưởng khá cao. Đặc biệt, xuất khẩu sang Malaysia tăng 131,97%, Đài Loan (Trung Quốc) tăng

180,18%, trong khi EU tăng 36,92%, cho thấy dư địa mở rộng thị trường tại nhiều khu vực vẫn còn khá lớn. Tuy nhiên, quy mô xuất khẩu sang EU hiện mới đạt 19,57 triệu USD, chỉ chiếm 0,97% tổng kim ngạch, cho thấy doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng để tận dụng các ưu đãi từ Hiệp định EVFTA nhằm gia tăng thị phần trong thời gian tới.

**Bảng: Xuất khẩu dây điện và dây cáp điện của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2026**

| Thị trường XK          | Tháng 5/2026   |                    |                    | 5 tháng/2026     |                    | Tỷ trọng (%)  |               |
|------------------------|----------------|--------------------|--------------------|------------------|--------------------|---------------|---------------|
|                        | (Nghìn USD)    | So với T4/2026 (%) | So với T5/2025 (%) | (Nghìn USD)      | So với 5T/2025 (%) | 5T/2026       | 5T/2025       |
| <b>Tổng KNXK</b>       | <b>468.758</b> | <b>6,3</b>         | <b>23,51</b>       | <b>2.017.096</b> | <b>19,02</b>       | <b>100,00</b> | <b>100,00</b> |
| Mỹ                     | 192.946        | 14,52              | 39,96              | 751.259          | 30,45              | 37,24         | 33,98         |
| Trung Quốc             | 69.849         | -8,99              | 3,18               | 354.434          | 12,48              | 17,57         | 18,59         |
| Nhật Bản               | 40.976         | 9,72               | 26,73              | 178.305          | 21,48              | 8,84          | 8,66          |
| Hàn Quốc               | 35.889         | -5,41              | -6,84              | 173.738          | -3,65              | 8,61          | 10,64         |
| Thái Lan               | 9.421          | -6,54              | 36,63              | 45.549           | 38,5               | 2,26          | 1,94          |
| Hồng Kông (Trung Quốc) | 6.546          | -18,12             | -37,3              | 38.046           | -6,03              | 1,89          | 2,39          |
| Singapore              | 7.515          | -14,83             | -13,52             | 33.272           | 0,94               | 1,65          | 1,94          |
| Philippines            | 6.732          | 17,05              | 15,25              | 31.977           | 13,7               | 1,59          | 1,66          |
| Campuchia              | 7.541          | 44,03              | 41,62              | 29.520           | 24,21              | 1,46          | 1,40          |
| Australia              | 7.976          | 92,82              | 20,52              | 25.451           | 12,63              | 1,26          | 1,33          |
| EU                     | 6.077          | 102,58             | 218,83             | 19.567           | 36,92              | 0,97          | 0,84          |
| Malaysia               | 6.565          | 135,38             | 255,88             | 19.471           | 131,97             | 0,97          | 0,50          |
| Đài Loan (Trung Quốc)  | 4.017          | -26,61             | 200,45             | 18.864           | 180,18             | 0,94          | 0,40          |
| Indonesia              | 3.633          | 11,17              | -16,55             | 15.219           | -12,04             | 0,75          | 1,02          |
| Anh                    | 3.408          | 55,12              | 40,57              | 11.649           | 18,49              | 0,58          | 0,58          |

| Thị trường<br>XK | Tháng 5/2026   |                          |                          | 5 tháng/2026   |                          | Tỷ trọng (%) |         |
|------------------|----------------|--------------------------|--------------------------|----------------|--------------------------|--------------|---------|
|                  | (Nghìn<br>USD) | So với<br>T4/2026<br>(%) | So với<br>T5/2025<br>(%) | (Nghìn<br>USD) | So với<br>5T/2025<br>(%) | 5T/2026      | 5T/2025 |
| Lào              | 889            | -16,29                   | -64,18                   | 5.120          | -9,89                    | 0,25         | 0,34    |
| Myanmar          | 467            | 0,35                     | -31,71                   | 2.483          | 26,78                    | 0,12         | 0,12    |
| Mozambique       | 248            | 44,86                    |                          | 430            | 308,58                   | 0,02         | 0,01    |

*Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan*

### ***Cơ cấu chủng loại mặt hàng dây điện và dây cáp điện của Việt Nam:***

Trong 5 tháng đầu năm 2026, cơ cấu xuất khẩu dây điện và dây cáp điện của Việt Nam cho thấy xu hướng chuyển dịch theo hướng tích cực khi tỷ trọng các sản phẩm công nghệ cao, đặc biệt là cáp quang, cáp điện tử và các loại dây dẫn chuyên dụng ngày càng gia tăng.

Trong đó, nhóm “bộ dây điện truyền dẫn, dây cáp có đầu nối dùng trong gia dụng, cáp dữ liệu và cáp kết nối” tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất, đạt 579,70 triệu USD trong 5 tháng đầu năm 2026, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 29,3% tổng kim ngạch xuất khẩu dây điện và dây cáp điện của cả nước. Tuy nhiên, tỷ trọng của nhóm hàng này đã giảm từ 33,7% xuống 29,3%, cho thấy xu hướng đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm xuất khẩu.

Đáng chú ý, cáp quang là nhóm hàng có mức tăng trưởng nổi bật nhất trong các mặt hàng chủ lực. Trong tháng 5/2026, kim ngạch xuất khẩu đạt 103,22 triệu USD, tăng 19,4% so với tháng trước và tăng tới 125,7% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2026 đạt 352,34 triệu USD, tăng 95,1%, nâng tỷ trọng từ 10,9% lên 17,8%, trở thành nhóm hàng xuất khẩu lớn thứ hai của ngành nhờ nhu cầu gia tăng đối với các sản phẩm phục vụ hạ tầng viễn thông và chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, một số nhóm hàng cũng ghi nhận mức tăng cao như dây điện dùng trong công trình (tăng 55,7%), dây điện và dây cáp điện, dây cảm của tai nghe (tăng 90,1%), bộ dây bán dẫn dùng trong thiết bị viễn thông (tăng 109,5%) và cáp dữ liệu, dây dẫn điện của điện thoại di động (tăng 110%).

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng xuất khẩu giảm so với cùng kỳ như dây cáp có gắn đầu nối kết nối tín hiệu (giảm 11,4%), cáp điện (giảm 35,9%), dây cáp đồng trục cách điện chưa gắn đầu nối (giảm 25%) và một số bộ dây dẫn dùng trong ngành ô tô. Sự sụt giảm này chủ yếu xuất phát từ nhu cầu tiêu thụ chưa phục hồi đồng đều tại một số ngành công nghiệp ô tô và điện tử truyền thống.

**Bảng: Một số chủng loại sản phẩm dây điện và dây cáp điện trong tháng 5 và 5 tháng năm 2026**

| <b>Chủng Loại</b>                                                                           | <b>Tháng 5/2026<br/>(nghìn USD)</b> | <b>So với tháng 4/2026 (%)</b> | <b>So với tháng 5/2025 (%)</b> | <b>5 tháng đầu năm 2026<br/>(nghìn USD)</b> | <b>So với 5 tháng đầu năm 2025 (%)</b> | <b>Tỷ trọng 5 tháng đầu năm 2026 (%)</b> | <b>Tỷ trọng 5 tháng đầu năm 2025 (%)</b> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| <b>Tổng</b>                                                                                 | <b>468.758</b>                      | <b>6,3</b>                     | <b>23,5</b>                    | <b>2.017.096</b>                            | <b>19,0</b>                            | <b>100,0</b>                             | <b>100,0</b>                             |
| Bộ dây điện truyền dẫn, dây cáp có đầu nối dùng trong gia dụng, cáp dữ liệu, cáp kết nối... | 119.671                             | -5,3                           | -5,8                           | 579.695                                     | 3,5                                    | 29,3                                     | 33,7                                     |
| Cáp quang                                                                                   | 103.220                             | 19,4                           | 125,7                          | 352.338                                     | 95,1                                   | 17,8                                     | 10,9                                     |
| Dây cáp có gắn đầu nối kết nối tín hiệu                                                     | 60.848                              | -4,4                           | -6,9                           | 291.252                                     | -11,4                                  | 14,7                                     | 19,8                                     |
| Dây điện dùng trong công trình AVSS, CHFUS, CIVUS, BKCPJ, IVSSH, HFCS...                    | 20.736                              | -7,0                           | 31,5                           | 102.461                                     | 55,7                                   | 5,2                                      | 4,0                                      |
| Cáp cáp điện bọc nhựa cao cấp, cáp ABC, AV, LV, CV, CXW,...                                 | 21.064                              | 72,0                           | 1,5                            | 78.137                                      | 3,9                                    | 4,0                                      | 4,5                                      |
| Dây điện và dây cáp điện, dây cắm của tai nghe                                              | 12.692                              | -32,9                          | 2,8                            | 73.485                                      | 90,1                                   | 3,7                                      | 2,3                                      |
| Cáp đồng trục gắn đầu nối                                                                   | 12.447                              | 10,1                           | 29,3                           | 53.048                                      | 18,4                                   | 2,7                                      | 2,7                                      |
| Dây và cáp điện bọc nhựa cao cấp dùng trong ô tô, máy in                                    | 7.888                               | -13,4                          | 4,3                            | 42.871                                      | 11,1                                   | 2,2                                      | 2,3                                      |

| <b>Chủng Loại</b>                                                   | <b>Tháng 5/2026 (nghìn USD)</b> | <b>So với tháng 4/2026 (%)</b> | <b>So với tháng 5/2025 (%)</b> | <b>5 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)</b> | <b>So với 5 tháng đầu năm 2025 (%)</b> | <b>Tỷ trọng 5 tháng đầu năm 2026 (%)</b> | <b>Tỷ trọng 5 tháng đầu năm 2025 (%)</b> |
|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| Cáp điện tử, cáp chuyển tiếp cho viễn thông                         | 6.643                           | -24,7                          | 29,5                           | 40.047                                  | 42,3                                   | 2,0                                      | 1,7                                      |
| Dây điện bọc nhựa đã cắt và gắn đầu nối                             | 8.954                           | 2,7                            | 9,4                            | 37.249                                  | 15,2                                   | 1,9                                      | 1,9                                      |
| Dây phích cắm điện                                                  | 7.838                           | 37,0                           | 200,6                          | 28.140                                  | 79,2                                   | 1,4                                      | 0,9                                      |
| Bộ dây bán dẫn dùng trong thiết bị viễn thông                       | 8.055                           | 41,6                           | 228,5                          | 26.898                                  | 109,5                                  | 1,4                                      | 0,8                                      |
| Bộ dây điện truyền dẫn, dây cáp bán dẫn dùng cho ô tô, máy xây dựng | 5.483                           | -5,5                           | -14,6                          | 26.886                                  | -8,0                                   | 1,4                                      | 1,8                                      |
| Bộ dây dẫn dùng cho túi khí, mui xe ô tô                            | 5.214                           | -3,6                           | -3,6                           | 23.523                                  | -7,8                                   | 1,2                                      | 1,5                                      |
| Phần tĩnh của động cơ điện                                          | 4.275                           | 6,9                            | 57,6                           | 19.660                                  | 37,7                                   | 1,0                                      | 0,9                                      |
| Dây cáp đồng trục cách điện, cáp chưa gắn đầu nối                   | 5.041                           | 43,8                           | -20,2                          | 19.296                                  | -25,0                                  | 1,0                                      | 1,5                                      |
| Dây đồng tròn tráng men                                             | 8.881                           | 203,0                          | 365,4                          | 18.776                                  | 209,3                                  | 1,0                                      | 0,4                                      |
| Cáp đồng, cáp nhôm trung thế ABC bọc nhựa cao cấp                   | 5.341                           | 62,7                           | 365,9                          | 18.434                                  | 32,7                                   | 0,9                                      | 0,8                                      |
| Cáp điện loại 220k                                                  | 5.410                           | 123,0                          | 66,2                           | 17.731                                  | 10,4                                   | 0,9                                      | 1,0                                      |
| Cáp dữ liệu, dây dẫn điện của điện thoại di động                    | 2.860                           | -39,5                          | 67,4                           | 17.200                                  | 110,0                                  | 0,9                                      | 0,5                                      |
| Cáp điện                                                            | 5.067                           | 68,7                           | -12,1                          | 15.903                                  | -35,9                                  | 0,8                                      | 1,5                                      |
| Dây điện dùng trong thiết bị sử dụng ga                             | 4.055                           | 64,6                           | 135,9                          | 11.879                                  | 277,7                                  | 0,6                                      | 0,2                                      |
| Dây điện                                                            | 2.980                           | 38,0                           | 166,7                          | 10.755                                  | 33,1                                   | 0,5                                      | 0,5                                      |

| <b>Chủng Loại</b>                                                                                                                              | <b>Tháng 5/2026 (nghìn USD)</b> | <b>So với tháng 4/2026 (%)</b> | <b>So với tháng 5/2025 (%)</b> | <b>5 tháng đầu năm 2026 (nghìn USD)</b> | <b>So với 5 tháng đầu năm 2025 (%)</b> | <b>Tỷ trọng 5 tháng đầu năm 2026 (%)</b> | <b>Tỷ trọng 5 tháng đầu năm 2025 (%)</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| Dây điện đã lắp với đầu nối                                                                                                                    | 2.069                           | -33,1                          | -5,9                           | 10.326                                  | 0,7                                    | 0,5                                      | 0,6                                      |
| Dây điện từ, dây nhôm tráng men                                                                                                                | 1.662                           | -11,5                          | 0,3                            | 9.865                                   | -1,0                                   | 0,5                                      | 0,6                                      |
| Dây cáp đầu nối điện tử phức hợp                                                                                                               | 2.456                           | 20,6                           | 82,4                           | 9.643                                   | 15,2                                   | 0,5                                      | 0,5                                      |
| Dây điện chưa gắn đầu nối                                                                                                                      | 1.909                           | -0,2                           | 0,8                            | 8.261                                   | 6,4                                    | 0,4                                      | 0,5                                      |
| Dây dẫn điện cho bộ phận điều khiển từ, ghế ngồi                                                                                               | 2.606                           | 162,0                          | 240,6                          | 6.640                                   | 77,9                                   | 0,3                                      | 0,2                                      |
| Dây cáp tín hiệu 3 lõi chưa có đầu nối                                                                                                         | 1.188                           | 9,3                            | -17,0                          | 5.948                                   | 3,3                                    | 0,3                                      | 0,3                                      |
| Cáp điều khiển chống nhiễu, dây điện hạ thế                                                                                                    | 754                             | 162,5                          | -21,3                          | 5.405                                   | 181,6                                  | 0,3                                      | 0,1                                      |
| Cáp mạng cách điện, cáp điện thoại di động, cáp kết nối điện thoại với máy tính                                                                | 792                             | 9,0                            | 23,6                           | 3.722                                   | 51,5                                   | 0,2                                      | 0,1                                      |
| Dây điện và dây cáp điện bọc nhựa lõi đồng hoặc nhôm                                                                                           | 963                             | 19,6                           | 399,2                          | 3.379                                   | -56,3                                  | 0,2                                      | 0,5                                      |
| Dây dẫn điện (đã gắn đầu nối, điện áp không quá 1000V, cách điện bằng plastic), cáp chống cháy, cáp cảm biến có đầu nối dùng cho xe có động cơ | 220                             | -38,6                          | -25,1                          | 1.441                                   | -28,3                                  | 0,1                                      | 0,1                                      |
| Dây cáp vặn xoắn                                                                                                                               | 311                             | 98,6                           | 56,8                           | 1.334                                   | 20,4                                   | 0,1                                      | 0,1                                      |
| Dây điện và dây cáp điện có đầu nối                                                                                                            | 410                             | 60,1                           | 471,9                          | 1.014                                   | 100,7                                  | 0,1                                      | 0,0                                      |

| Chủng Loại                                              | Tháng 5/2026<br>(nghìn USD) | So với tháng 4/2026 (%) | So với tháng 5/2025 (%) | 5 tháng đầu năm 2026<br>(nghìn USD) | So với 5 tháng đầu năm 2025 (%) | Tỷ trọng 5 tháng đầu năm 2026 (%) | Tỷ trọng 5 tháng đầu năm 2025 (%) |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Cáp điện loại 26/40.5(52)kV                             | -                           |                         |                         | 918                                 | 165,0                           | 0,0                               | 0,0                               |
| Dây điện có vỏ bọc nhựa                                 | 150                         | -10,0                   | 116,3                   | 734                                 | 87,2                            | 0,0                               | 0,0                               |
| Cáp điện loại 66kV bọc XPLE                             | 80                          | -46,9                   | 14,7                    | 377                                 | 45,5                            | 0,0                               | 0,0                               |
| Cáp nhôm bọc PVC, cáp đồng                              | 75                          | 21,9                    | -73,2                   | 180                                 | -69,5                           | 0,0                               | 0,0                               |
| Bộ dây nối truyền tải dùng trong ô tô                   | 51                          | -37,2                   | -67,0                   | 170                                 | -71,1                           | 0,0                               | 0,0                               |
| Bộ dây điện dùng cho máy điều khiển kiểm tra chất lượng | 36                          | -1,9                    | 125,8                   | 149                                 | 34,2                            | 0,0                               | 0,0                               |
| Cáp điện (Electric Cable) 06/1KV                        | 4                           | -89,4                   | -92,3                   | 83                                  | -47,4                           | 0,0                               | 0,0                               |
| Bộ kết nối CS                                           | 5                           | -18,3                   | -9,8                    | 47                                  | -43,8                           | 0,0                               | 0,0                               |
| Cáp ắc qui                                              | 17                          | 1.830,5                 | 2.109,5                 | 24                                  | 3.086,6                         | 0,0                               | 0,0                               |

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan*

### *Đánh giá triển vọng:*

Trong năm 2026, môi trường thương mại quốc tế tiếp tục có nhiều thay đổi, tác động trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu dây điện và dây cáp điện của Việt Nam. Các thị trường nhập khẩu lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc ngày càng siết chặt các quy định về chất lượng sản phẩm, an toàn điện, truy xuất nguồn gốc, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, xu hướng chuyển đổi năng lượng, phát triển hạ tầng truyền tải điện, mở rộng mạng lưới viễn thông 5G, trung tâm dữ liệu (Data Center), xe điện và năng lượng tái tạo tại nhiều quốc gia tiếp tục tạo ra nhu cầu lớn đối với các sản phẩm dây điện và dây cáp điện, cáp quang và cáp chuyên dụng. Đây được xem là cơ hội quan trọng để các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường và nâng cao giá trị xuất khẩu trong thời gian tới.

Trong bối cảnh này, hoạt động xuất khẩu dây điện và dây cáp điện tiếp tục

được hưởng lợi từ chủ trương của Chính phủ về thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và nâng cao năng lực tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Bộ Công Thương tiếp tục triển khai Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2021-2030, tập trung đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, tận dụng hiệu quả các FTA mà Việt Nam đã ký kết. Bên cạnh đó, các chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, chuyển đổi số trong sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và đổi mới công nghệ tiếp tục được triển khai, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dây điện và dây cáp điện Việt Nam.

Trong những tháng cuối năm 2026, triển vọng xuất khẩu dây điện và dây cáp điện của Việt Nam nhìn chung khá tích cực nhờ nhu cầu đầu tư vào hạ tầng điện, năng lượng tái tạo, trung tâm dữ liệu, viễn thông và sản xuất thiết bị điện - điện tử trên thế giới tiếp tục gia tăng. Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và các nước ASEAN dự kiến vẫn là những thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, trong khi dư địa mở rộng tại EU còn khá lớn nhờ các ưu đãi từ EVFTA. Tuy nhiên, cùng với cơ hội, doanh nghiệp cũng sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức từ xu hướng gia tăng các rào cản kỹ thuật, yêu cầu về phát triển xanh, truy xuất nguồn gốc, chống gian lận xuất xứ và các biện pháp phòng vệ thương mại. Do đó, để duy trì đà tăng trưởng xuất khẩu, doanh nghiệp cần chủ động đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản xuất xanh và tăng tỷ lệ nội địa hóa, đồng thời đa dạng hóa thị trường nhằm giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống và nâng cao khả năng thích ứng trước những biến động của thương mại quốc tế.